

## Ảnh hưởng của COVID và Cơ chế chia sẻ lợi ích từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng tới phụ nữ tại Mộc Châu, Sơn La

Phạm Thu Thủy, Trần Ngọc Mỹ Hoa và Hoàng Tuấn Long

### Thông điệp chính

- Đại dịch COVID đã có những ảnh hưởng lớn đối với phụ nữ dân tộc thiểu số tại huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La. Các tác động này bao gồm làm giảm thu nhập, tăng áp lực và khối lượng công việc gia đình, hạn chế tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên để thực hiện các hoạt động sản xuất và tác động tới sức khỏe tinh thần.
- PFES hiện đang chi trả cho cộng đồng, các tổ chức xã hội, nhóm hộ và hộ gia đình. Phụ nữ được tiếp cận và hưởng lợi từ nguồn thu từ cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình. Tác động của PFES và khả năng hỗ trợ phụ nữ trong bối cảnh COVID phụ thuộc vào số tiền chi trả, thời điểm chi trả và mô hình chia sẻ lợi ích.
- Những phụ nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung cũng đưa ra nhiều vấn đề họ đang gặp phải khi thực hiện PFES bao gồm mức thu nhập từ PFES hạn chế, số tiền nhận được từ PFES giảm do tăng cường thực thi pháp luật, rủi ro liên quan đến tiếp cận và đảm bảo quyền sử dụng rừng, hạn chế tiếp cận thông tin và hiểu biết về chính sách.
- Cần có nhiều nghiên cứu thực hiện đánh giá tác động lâu dài của COVID cũng như PFES và vai trò của PFES trong việc hỗ trợ phụ nữ đối mặt với COVID trong tương lai.

### Mở đầu

Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) được thí điểm tại Việt Nam vào năm 2008 và thực hiện trên toàn quốc từ năm 2011 theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP (Triệu và cộng sự 2020). Theo điều 61 tại luật Lâm nghiệp 2017, các loại dịch vụ môi trường rừng được thực hiện trong cơ chế PFES tại Việt Nam bao gồm: (1) Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; (2) Điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội; (3) Hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; (4) Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch; (5) Cung ứng bãi đỗ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước từ rừng và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng để nuôi trồng thủy sản. Những người sử dụng dịch vụ môi trường rừng được quy định như các cơ sở sản xuất thủy điện, cung ứng nước sạch, sản xuất công nghiệp hay kinh doanh dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản,... sẽ phải trả các khoản phí thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ. Nguồn thu từ DVMTR đã trở thành nguồn tài chính quan trọng cho ngành lâm nghiệp thông qua việc giảm nhẹ gánh nặng kinh tế lên ngân sách nhà nước, gia tăng nguồn thu cho chủ rừng và nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ rừng (Phạm và cộng sự 2018).

Đại dịch COVID xuất hiện từ đầu năm 2020 trên toàn thế giới và ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, chuỗi cung ứng, toàn bộ đời sống người dân trên toàn cầu. Nhiều nghiên cứu đã bày tỏ lo ngại trước rủi ro đại dịch có thể dẫn đến gia tăng nạn phá rừng và mất đa dạng sinh học (FAO 2021) bởi khi thu nhập hộ gia đình ngày càng giảm, lương thực ít hơn, người dân vùng nông thôn sẽ chuyển sang khai thác cả thực vật và động vật hoang dã làm thực phẩm, chuyển đổi rừng sang nông nghiệp và các hoạt động bất hợp pháp làm trầm trọng tình trạng mất rừng, suy thoái rừng (FAO 2021). Tác động tiêu cực của đại dịch lớn hơn đối với phụ nữ ở hầu hết các quốc gia, bởi phụ nữ phải gánh vác khối lượng công việc lớn hơn do trẻ em phải tự học ở nhà, khối lượng chăm sóc gia đình và đối mặt với tỷ lệ bạo lực gia đình và lạm dụng ngày càng tăng (RECOFTC 2020).

Những nghiên cứu trước đây về Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) tại Việt Nam của Phạm và cộng sự (2020) chỉ ra rằng trong bối cảnh khủng hoảng hay thiên tai, PFES đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân có thu nhập đảm bảo cuộc sống hàng ngày. Vậy trong bối cảnh COVID, vai trò và tác động của PFES đối với cộng đồng dân cư nói chung và phụ nữ như thế nào? Dựa trên nghiên cứu điểm tại huyện Mộc Châu, Sơn La, tóm lược chính sách này phân tích cơ chế chia sẻ lợi ích từ nguồn thu PFES, thảo luận những

thuận lợi và khó khăn đối với phụ nữ trong việc tiếp cận, hưởng lợi từ cơ chế chia sẻ lợi ích này và tác động của việc chia sẻ lợi ích từ PFES đối với phụ nữ trong giai đoạn COVID. Kết quả nghiên cứu tại Mộc Châu, Sơn La được dựa trên kết quả thảo luận nhóm tập trung với 166 người (44% người tham gia là nam và 56% người tham gia là nữ) tại 5 bản và phỏng vấn sâu hộ gia đình với 89 người (46% là nam và 54% là nữ).

## Tác động của COVID đối với phụ nữ tại Mộc Châu Sơn La

Kết quả khảo sát với hộ gia đình và thảo luận nhóm tập trung chỉ ra 4 tác động chính của COVID đối với phụ nữ Mộc Châu.

**Giảm thu nhập.** 87.5% hộ nữ và 24.4% hộ nam tham gia phỏng vấn sâu hộ gia đình đề cập tới việc COVID đã khiến cho thu nhập của phụ nữ bị giảm. Thu nhập của các hộ dân trong các bản nghiên cứu chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất và thương mại các sản phẩm nông nghiệp, làm thuê cho các nhà máy hoặc di cư đi làm ở các thành phố lớn, kinh doanh và bán hàng các mặt hàng du lịch. Tuy nhiên COVID đã khiến thu nhập từ các nguồn thu này giảm một cách đáng kể. Các phụ nữ tham gia thảo luận nhóm ở bản An Thái cho biết “*Vì rau đây trồng chủ yếu là phục vụ khách du lịch, covid xảy ra, khách không lên được là mình không bán được. Hạn chế chợ đầu mối lên đây thu mua rau, không đi qua được Vân Hồ (hội Hải Dương nhập rau nhiều, toàn hội vướng covid). Khách du lịch ít đi các quán ăn, khách sạn không lấy rau*”. Nhóm phụ nữ tham gia thảo luận nhóm ở bản Phách cho biết giá các mặt hàng cũng giảm nhiều “*Lúa không được giá, rong không được tiền, bí xanh, cây ăn quả hạ giá. Hạ 30-40% so với trước*” và ghi nhận tại bản Lùn “*Năm 2019: 1kg chanh leo bán được 1.75 USD nhưng đến năm 2020 chỉ bán được có 0.22 USD/1kg chanh leo. Trước COVID bán được 1.1USD/1kg cam với số lượng lớn nhưng sau khi có COVID chỉ bán được 0.44 USD/1kg cam và chỉ bán được rất ít*”.

**Tăng áp lực và khối lượng công việc gia đình.** Khi khảo sát hộ gia đình, 35.42% hộ nữ và 26.8% hộ nam đề cập tới việc COVID đã tạo nhiều áp lực về công việc gia đình đối với phụ nữ. Dịch COVID đã dẫn đến việc trẻ em nghỉ học và phụ nữ phải ở nhà trông con hoặc địu con đi làm việc. Vì vậy năng suất lao động tại các bản được ghi nhận là giảm mạnh, đặc biệt với giới nữ. Nhiều phụ nữ tham gia thảo luận nhóm ở bản An Thái đã cho biết thu nhập của họ giảm 40% so với trước khi có COVID. Ở bản Lùn, phụ nữ chịu áp lực nhiều hơn vì phải lo nhiều khoản chi phí sinh hoạt cho gia đình: “*Lo*

*đồng áng, cơm nước, con cháu học hành*” hay ghi nhận tại bản Phách “*Quản lí các chi phí trong gia đình đàn ông không quan tâm mà chỉ có phụ nữ phải tự mình gánh vác và xoay sở nên khó khăn hơn đối với phụ nữ*”.

**Hạn chế tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên để thực hiện các hoạt động sản xuất.** Do điều kiện đất đai hạn chế và chủ yếu đất đã có chủ, nhiều hộ gia đình đã phải thuê đất để canh tác. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung ở tất cả các bản đã chia sẻ rằng nguồn thu nhập giảm trong khi các khoản chi phí vẫn như cũ đã khiến nhiều hộ gia đình trả đất đã thuê và không có khả năng thuê đất để sản xuất ít nhất là 3-4 năm tới.

**Tác động về sức khỏe tinh thần.** Khi tiến hành khảo sát các hộ gia đình tại ba bản Lùn, Phách và An Thái, 41.67% hộ nữ và 31.7% hộ nam có đề cập đến tác động của COVID đến đời sống tinh thần của họ. Áp lực và lo lắng về bệnh tật, khối lượng công việc gia đình gia tăng đã tạo nên những áp lực tinh thần lớn cho nhiều phụ nữ tham gia khảo sát. Trên 60% hộ nữ và 41.46% hộ nam tham gia phỏng vấn đề cập rằng COVID đã ảnh hưởng đến trẻ em rất lớn. Do COVID hạn chế đi lại đã khiến trẻ em không thể đến trường, phải học trực tuyến tại nhà. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới việc học tập và tinh thần của trẻ nhỏ mà cũng gây ra các tác động đối với phụ nữ phải ở nhà để chăm con hoặc địu con cùng đi làm nương.

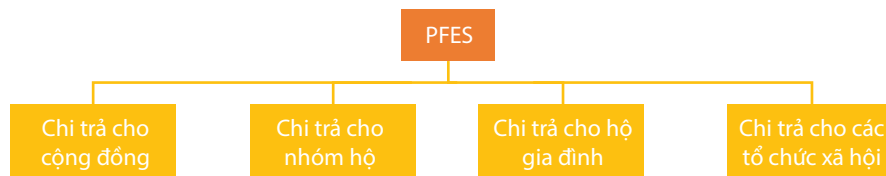
Ngoài ra, đối với các phụ nữ dân tộc thiểu số, việc giao tiếp với bên ngoài chủ yếu qua các hoạt động văn hóa xã hội của bản và giao lưu với họ hàng sống bên Lào. Tuy nhiên, COVID xảy ra đã hạn chế các hoạt động giao tiếp xã hội, tạo khoảng trống về mặt tâm lý và hạn chế giao tiếp xã hội cho rất nhiều phụ nữ tại các nơi khảo sát. Ngoài ra nhóm phụ nữ của 2 trên 5 bản khảo sát đã đề cập tới việc bạo hành gia đình gia tăng trong giai đoạn COVID trong cuộc thảo luận nhóm, gây áp lực không nhỏ đối với phụ nữ.

## Cơ chế chia sẻ lợi ích của PFES và tác động đối với nam và nữ trong thời kỳ COVID

Hình 1 thể hiện dòng chảy tài chính và cơ chế chia sẻ lợi ích của PFES tại địa bàn nghiên cứu.

Bảng 1 thể hiện số tiền chi trả cho các nhóm chủ rừng tại các bản nghiên cứu trong giai đoạn 2019-2020.

Phụ nữ có điều kiện tiếp cận và hưởng lợi từ các mô hình chia sẻ lợi ích này rất khác nhau.



Hình 1: Dòng chảy tài chính từ PFES

Bảng 1: Số tiền DVMTR 2019-2020 tại các bản nghiên cứu

Bản	Năm	Tổng tiền nhận được (USD)	Hộ gia đình		Cộng đồng		Tổ chức xã hội		Nhóm hộ	
			USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
Phách	2019	11,927	7,162	60.04	496	4.16	4,269	35.79	0	0
	2020	10,468	6,305	60.23	425	4.06	3,738	35.71	0	0
Áng	2019	10,866	3,172	29.19	1,768	16.2	0	0	5,926	54.54
	2020	9,828	2,780	28.29	1,608	16.3	0	0	5,440	55.35
Búa	2019	2,521	1,889	74.95	631	25.0	0	0	0	0
	2020	2,326	1,734	74.55	592	25.4	0	0	0	0
Lùn	2019	21,067	2,469	11.72	15,623	74.1	2,583	12.26	392	1.86
	2020	19,666	2,159	10.98	13,798	70.1	3,331	16.94	378	1.92
An Thái	2019	117	83	71.23	34	28.7	0	0	0	0
	2020	90	63	70.11	27	29.9	0	0	0	0

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ các báo cáo

## Cơ chế chia sẻ lợi ích trong cộng đồng

Bảng 1 cho thấy cả 5 bản nghiên cứu đều nhận được tiền PFES chi trả cho cộng đồng. Theo kết quả thảo luận nhóm tập trung, tiền PFES chi trả cho cộng đồng được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau (Bảng 2). Tùy vào số tiền chi trả nhận được và phương thức sử dụng, người dân trong bản nói chung và phụ nữ nói riêng có điều kiện hưởng lợi từ chương trình này khác nhau. Tuy nhiên, trong 5 bản khảo sát, chỉ có bản Lùn là có số tiền nhận được từ PFES cho cộng đồng đáng kể, còn lại các bản khác chỉ nhận được số tiền nhỏ.

Hình 2 cũng cho thấy những hộ gia đình khảo sát cũng có ý kiến giống như các đại diện tham gia thảo luận nhóm tập trung.

Khoảng 60% số tiền của các thôn bản nhận được từ PFES dùng cho việc sửa chữa và xây mới cơ sở hạ tầng cho bản, trung bình khoảng 20% dùng để chi trả các hoạt động bảo vệ rừng và khoảng 10% dành cho các hoạt động khác. Việc

sử dụng tiền từ chi trả PFES không có sự khác biệt giữa thời điểm trước và sau khi có COVID. Việc sử dụng tiền chi trả từ PFES cho thôn bản đều hướng tới chia đều lợi ích cho các hộ gia đình trong bản và do vậy các hộ gia đình tham gia họp nhóm đều đánh giá cao tác động của PFES. Tuy nhiên, tác động của PFES đối với người dân phụ thuộc rất nhiều vào mức chi trả. Trong 3 bản khảo sát, chỉ có bản Lùn nhận được khoảng 20,000 USD/năm và do vậy người dân tại bản này ghi nhận về vai trò thiết yếu của PFES hơn so với các thôn bản khác.

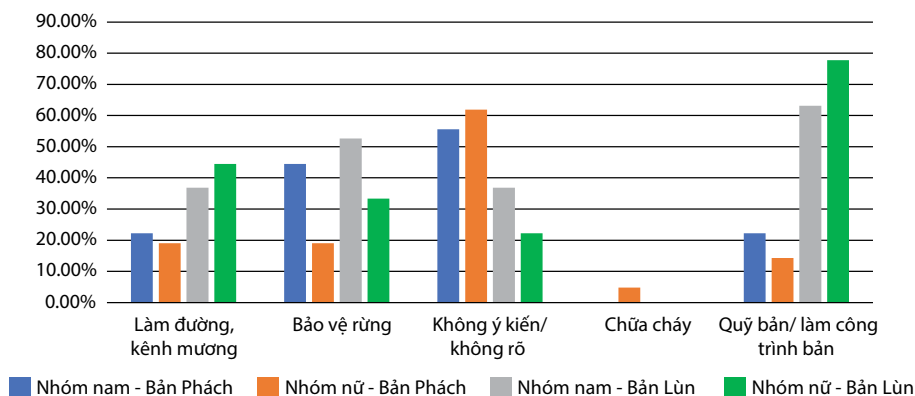
Ngoài ra, trong các bản khảo sát, 5/6 bản đều cho rằng PFES không có vai trò lớn trong việc hỗ trợ người dân trong bản nói chung và phụ nữ nói riêng trong thời gian khó khăn do COVID tạo ra bởi số tiền nhận được từ PFES chủ yếu dành cho hoạt động chung của bản. Chỉ có nhóm phụ nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung tại bản Lùn đặc biệt ghi nhận vai trò của PFES trong việc hỗ trợ họ chống chịu với COVID bởi hình thức chi trả này mang lại lợi ích cho tất cả hộ gia đình tham gia. Ví dụ tại Bản Lùn, dưới sự hỗ trợ của dự án Rừng và Đồng Bằng và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Sơn

**Bảng 2: Cơ chế chia sẻ lợi ích trong cộng đồng**

Phương thức sử dụng tiền PFES chi trả cho cộng đồng	Nhóm nam để cập tới phương thức sử dụng	Nhóm nữ để cập tới phương thức sử dụng
1. Thăm hỏi và chăm sóc người ốm trong bản	Áng, Lùn, Búa	Áng, Lùn
2. Sửa cầu đường trong thôn bản	Áng, Phách	Lùn
3. Chi trả các chi phí họp thôn bản	Búa, Phách, An Thái	Búa, Phách, An Thái
4. Xây dựng cơ sở hạ tầng (trường học, nhà văn hóa, kênh mương), đường xá của bản	Lùn, Phách	Lùn, Phách
5. Chi cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng	Lùn, Phách	Lùn, Phách
6. Tiền nhận từ PFES sau khi đi bảo vệ rừng được sử dụng để đóng góp lại vào quỹ của Bản	Lùn	Lùn
7. Tạo Quỹ khuyến học	Lùn	Lùn
8. Lập quỹ tiết kiệm cho phụ nữ sau đó cho thành viên tham gia vay vốn với lãi suất thấp*	Lùn	Lùn

Ghi chú: \* Hình thức chi trả này chỉ mới được thực hiện từ năm 2020

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm

**Hình 2: Sử dụng tiền DVMTR chi trả cho cộng đồng**

Nguồn: Kết quả khảo sát hộ gia đình

La, Ban quản lý Bản đã họp dân bản và đi đến thống nhất sẽ trích tối đa 30% tổng số tiền Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Sơn La trả cho cộng đồng từ nguồn thu PFES để lập quỹ tiết kiệm cho vay phát triển kinh tế. Cho tới nay có trên 20 hộ gia đình có thành viên nữ tham gia vào nhóm tiết kiệm này. Ngoài nguồn tài chính này, mỗi thành viên nữ tham gia đều có thể mua thêm cổ phần với trị giá 2.19 USD/cổ phần. Cho tới nay, tổng vốn cho vay là 3,067.06 USD và lãi suất thu được đã giúp tổng nguồn vốn hiện có là 4,013.46 USD. Trung bình, mỗi hộ tham gia nhóm sẽ được vay 440 USD với lãi suất 1% trong 12 tháng và số vốn sẽ được cho vay tín dụng quay vòng giữa các thành viên. Theo các thành viên nữ tham gia họp nhóm thảo luận tập trung, phương thức

chia sẻ lợi ích này trở nên rất hữu ích và có tác động rất lớn đối với phụ nữ trong giai đoạn COVID bởi 2 lý do chính. *Thứ nhất*, sau khi COVID xảy ra người dân và phụ nữ trong bản đã không thể bán được các sản phẩm nông sản và gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vốn tái đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trong vụ mùa tiếp theo. Trong khi các bản không có PFES gặp nhiều khó khăn và nhiều phụ nữ phải đi vay lãi suất cao thì phụ nữ ở bản Lùn với số vốn quay vòng cùng lãi suất thấp này có thể đáp ứng một phần nào nhu cầu về vốn để phục hồi sản xuất mà không bị thêm các gánh nặng áp lực vì trả lãi. *Thứ hai*, với địa hình đồi núi và đi lại khó khăn, mặc dù nhiều phụ nữ cũng có mong muốn được vay vốn của hội nông dân, hội phụ nữ và ngân hàng bởi các

**Bảng 3: Trung bình số tiền nhận PFES mỗi hộ gia đình (Đơn vị: USD)**

	Năm	Phách	Áng	Búa	Lùn	An Thái
Nam	2019	81	47	21	40	11
	2020	72	102	19	34	9
Nữ	2019	76	48	21	37	9
	2020	68	39	19	32	7

nguồn này cũng có ưu đãi về lãi suất theo cơ chế hỗ trợ của nhà nước, họ đã không thể di chuyển tới điểm cho vay hoặc có khả năng để diễn các thủ tục giấy tờ hành chính theo yêu cầu của các bên. Trong khi đó, với mô hình chia sẻ lợi ích và cho vay vốn của thôn bản, họ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay một cách kịp thời mà không phải trải qua các thủ tục hành chính.

Ngoài ra, kết quả thảo luận nhóm đối với nhóm nam và nhóm nữ ở các bản khảo sát cũng cho thấy nhiều thách thức để đảm bảo cơ chế này được tiến hành hiệu quả và công bằng giữa hai nhóm. Kết quả khảo sát hộ gia đình và thảo luận nhóm cho thấy, mặc dù các thôn bản đã dành nguồn kinh phí PFES chi trả cho cộng đồng để trả lương ngày công cho các hộ gia đình tham gia, nhưng chỉ có nam giới được tham gia nhóm tổ bảo vệ rừng và hưởng lợi từ cơ chế chia sẻ lợi ích này. Tại Bản Lùn, thành viên thảo luận nhóm tập trung của nhóm nam cho rằng việc bảo vệ và phòng cháy rừng phù hợp với nam hơn và mỗi ngày đi tham gia công tác bảo vệ rừng họ nhận được 6.57 USD. Chỉ có khoảng 20% đại diện tham gia thảo luận nhóm tập trung của nhóm nữ tại bản Phách cho rằng họ được hưởng lợi từ tiền chi trả cho cộng đồng hoặc từ việc chống đũa tiến đi bảo vệ rừng cho họ để chi trả cho cuộc sống hàng ngày hay họ được trực tiếp tham gia phòng cháy rừng nên được bản chi trả. Điều này cho thấy phụ nữ có ít cơ hội để hưởng lợi từ nguồn chia sẻ lợi ích này hơn so với nam.

Một thách thức đáng lưu ý nữa đó là mặc dù các theo quy chế và hướng dẫn chia sẻ lợi ích mà Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông qua vào năm 2015 (Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La 2015), cơ chế chia sẻ lợi ích tại bản phải được thảo luận và thống nhất với các thành viên trong cả bản. Tuy nhiên, Hình 2 cho thấy 62% số phụ nữ tham gia khảo sát hộ gia đình ở bản Phách và 22% ở bản Lùn cho biết họ không biết tiền PFES được chi trả cho cộng đồng hiện đang được sử dụng như thế nào. Nhóm nam cũng ghi nhận 55% tại bản Phách và 36% tại bản Lùn cũng không rõ hoặc không biết tiền được sử dụng ra sao. Nhiều phụ nữ tại bản Phách và bản An Thái cho biết họ không biết thông tin về PFES, số tiền có giảm họ cũng không được giải đáp, không biết lý do tại sao dẫn đến giảm

tiền chi trả, nhiều người không biết PFES có từ lúc nào, họ cũng không để cập tiền sẽ được chia sẻ lợi ích trong bản như thế nào, trong khi cả ba bản còn lại mọi người đều có nhiều chia sẻ về vấn đề lợi ích này.

### Tác động của PFES qua chi trả trực tiếp cho hộ gia đình

Theo quy định của Nghị định 156, các chủ rừng có giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và có diện tích rừng quản lý đáp ứng với tiêu chuẩn chi trả của PFES đều nhận được tiền từ chương trình này. Các hộ gia đình tham gia khảo sát và thảo luận nhóm đang có quyền sử dụng đất rừng với diện tích khác nhau, dao động từ 200 m<sup>2</sup> tới 22 hecta. Trung bình mỗi hộ gia đình tại các bản khảo sát có thu nhập từ PFES khoảng 7 USD/năm cho tới 102 USD/năm. Trong số các hộ tham gia phỏng vấn sâu, khoảng 5% có thu nhập trên 538 USD/năm.

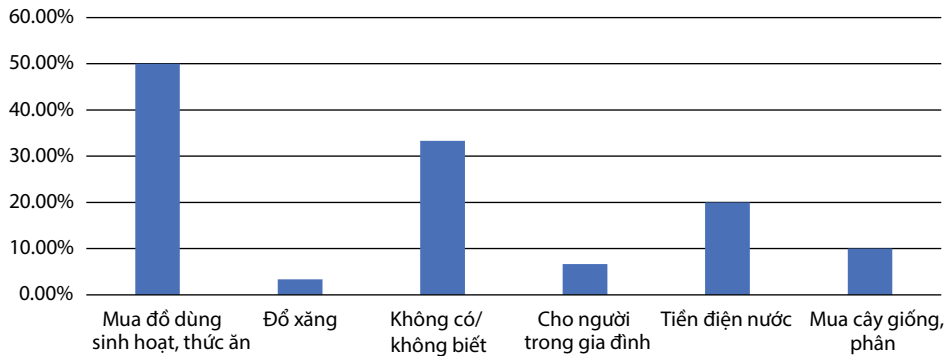
Tác động của PFES đối với hộ gia đình nói chung và phụ nữ nói riêng phụ thuộc vào mức thu. Đối với các hộ gia đình có diện tích rừng nhỏ, vai trò hỗ trợ của PFES không đáng kể trong khi với các hộ gia đình có nguồn thu trên 440 USD/năm thì đây là một nguồn thu đáng kể. Với các hộ gia đình có nguồn thu trên 440 USD/năm, họ có thể chủ động dùng số tiền này tái đầu tư vào sản xuất hoặc chi trả cho các nhu cầu thiết yếu như mua lương thực, đóng tiền học cho con mà không phải đi vay mượn hoặc sử dụng tiền tiết kiệm. Đối với các hộ gia đình chỉ nhận được dưới 44 USD/năm, tác động đối với hộ gia đình không lớn bởi họ chỉ dùng tiền này để mua lương thực thực phẩm.

Tuy nhiên, cả nhóm nam và nhóm nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung ở Bản Lùn và Bản Búa đều cho rằng việc hộ gia đình có nhận được tiền chi trả từ PFES được coi là sự đảm bảo để nhiều hộ có thể vay được tiền từ các hộ khác trong bản. Một người dân chia sẻ "*Cả hai hộ gia đình đều đi vay nặng lãi, nhưng hộ nào được thực hiện PFES thì sẽ được vay nhanh hơn và nhiều hơn vì người cho vay thấy đó là nguồn đảm bảo và thường xuyên*".

Mặc dù có nguồn thu khác nhau, kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ cho thấy xu thế chi tiêu phổ biến từ tiền PFES của các bản và giữa nam và nữ tương đối giống nhau và ở các bản khảo sát, người dân đều tập trung vào việc chi tiêu thiết yếu cho các hoạt động gia đình như lương thực, đồ dùng sinh hoạt, và trả tiền điện nước (Hình 3).

### Chi trả cho nhóm hộ

Bảng 1 cho thấy trong 5 bản khảo sát chỉ có Bản Áng và Bản Lùn có mô hình PFES chi trả cho nhóm hộ. Tiền chi trả cho nhóm hộ chiếm trên 50% ở bản Áng trong khi mô hình này



Hình 3: Mục đích sử dụng tiền PFES chi trả cho hộ gia đình của nhóm nữ

chỉ chiếm dưới 2% tại bản Lùn. Theo số liệu thống kê, nhóm hộ tại Bản Áng nhận được khoảng 370 USD/năm trong khi bản Lùn chỉ nhận được 161 USD/năm tiền PFES chi trả cho nhóm hộ. Các nhóm hộ này bao gồm từ 3-5 hộ gia đình sống gần nhau cùng tự nguyện phối hợp cùng nhau quản lí bảo vệ rừng. Theo kết quả phỏng vấn hộ gia đình và thảo luận nhóm, do số tiền chia đều cho các hộ tham gia nhóm hộ khá nhỏ nên không có tác động lớn đối với hộ gia đình và phụ nữ về nguồn thu nhập. Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các nhóm hộ cũng do các hộ gia đình tự thỏa thuận với nhau do vậy các bên tham gia phỏng vấn hộ gia đình và nhóm thảo luận đều bày tỏ sự hài lòng về cơ chế chia sẻ lợi ích này.

### Chi trả cho các tổ chức xã hội

Bảng 1 cho thấy trong 5 bản khảo sát chỉ có bản Phách và bản Lùn nhận được tiền PFES chi trả cho các tổ chức xã hội. Có nhiều tổ chức xã hội được nhận tiền PFES (Bảng 4), nhưng Hội phụ nữ lại là đơn vị nhận tiền PFES ít nhất trong các tổ chức xã hội tại bản Phách, còn tại Bản Lùn được ghi nhận là chỉ có Hội cựu chiến binh và Ủy ban nhân dân xã tự tổ chức quản lí bảo vệ rừng được nhận tiền chi trả. Các đại diện nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung cho rằng cơ chế

chia sẻ lợi ích và tiền PFES chi trả cho các tổ chức xã hội chưa thực sự đem lại lợi ích tiền mặt như phụ nữ kì vọng.

### Thách thức đối với phụ nữ trong việc hưởng lợi từ PFES

Những phụ nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung cũng đưa ra nhiều vấn đề họ đang gặp phải khi thực hiện PFES và nhận tiền chi trả cho hộ gia đình từ PFES.

**Số tiền nhận được từ PFES giảm do tăng cường thực thi pháp luật.** Nhiều phụ nữ ở bản Áng cho biết trước đây các hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá diện tích rừng của cơ quan nhà nước không được thực hiện thường xuyên do vậy người dân có thể dễ dàng nhận được tiền PFES sau khi đưa giấy tờ quyền sử dụng đất rừng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, quá trình theo dõi, giám sát và kiểm chứng diện tích rừng đã được thực hiện nghiêm ngặt hơn dẫn đến việc phát hiện nhiều diện tích rừng đã bị giảm và do đó người dân nhận được ít tiền hơn so với trước khi có COVID. Một số nam giới và nữ giới tham gia thảo luận nhóm tập trung ở Bản Lùn cũng cho biết do số tiền PFES nhận được

Bảng 4: Số tiền nhận được của các tổ chức xã hội (Đơn vị: USD)

Bản	Tên tổ chức xã hội	2019	2020
Phách	Đoàn Thanh Niên Bản Phách	1,334	1,176
	Hội Cựu chiến binh Bản Phách	1,602	1,402
	Hội Nông Dân Bản Phách	1,001	869
	Hội Phụ nữ Bản Phách	331	290
Lùn	Hội cựu chiến binh Bản Lùn	2,583	2,160
	Ủy ban nhân dân xã	0	1,111



giảm xuống và do thông tin sai lệch rằng nếu không bảo vệ rừng tốt sẽ phải đi tù nên đã quyết định không nhận tiền thực hiện PFES nữa.

**Mức chi trả thấp và không ổn định.** Ngoài ra, cả nhóm nam và nhóm nữ tham gia thảo luận nhóm tập trung đều cho rằng với công sức bỏ ra để bảo vệ và phát triển rừng hiện nay, mức chi trả từ PFES chưa tương xứng nhưng người dân vẫn cố gắng nỗ lực để bảo vệ rừng. Ngoài ra, việc nguồn thu từ PFES không ổn định do phụ thuộc vào số lượng người mua và mức chi trả cũng tạo ra sự bất an trong người dân và phụ nữ. Tại bản Phách, có hộ năm 2019 nhận được 440 từ PFES nhưng tới năm 2020 chỉ nhận được có 308 USD. Một vài hộ khác cũng chia sẻ “*Khi tham gia bảo vệ các diện tích rừng với kiểm lâm, năm đầu người dân được trả 352 USD, năm thứ 2 được trả 528 USD. Người dân trong bản cũng tham gia bảo vệ 2 hecta thông rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước và nhận được 1048 USD cho năm 1, 704 USD cho năm 2, 396 USD cho năm thứ 3 nhưng 3 năm trở lại đây dân làng không nhận được khoản tiền nào nữa để bảo vệ cánh rừng này*”.

**Mất giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng rừng.** Một vấn đề khác đáng lưu ý hơn là thực trạng mất sổ xanh và giấy chứng nhận sử dụng đất rừng. Ở tất cả các bản khảo sát, người dân đều chia sẻ rằng, “*Xã vận động nhân dân thu hết sổ để vay vốn làm ăn. Mất sổ bia rừng, một số hộ không đi nộp thì không mất còn hộ nào nghe theo là mất sổ*”, “*Không có bia xanh nhưng vẫn được tiền vì kiểm lâm lưu giữ danh sách thì được tiền. Nhưng diện tích rừng thì không biết*”, “*Sổ xanh mất vì có công ty vận động mang đi*”, “*Người ta thông báo cắt hết giá trị của quyền sổ đó bên kia rồi. Trên nói gì thì dưới nghe rồi biết vậy thôi*”. Việc mất sổ cũng diễn ra tại bản Phách “*Trong giai đoạn trước đây, cán bộ quỹ tín dụng xã đến nói với người dân đưa sổ xanh cho họ để có thể được hưởng hỗ trợ chính sách. Sau đó, họ mất toàn bộ sổ xanh đã giao cho Quỹ tín dụng vì người của Quỹ tín dụng nói rằng họ đưa cho công ty nào đó bị mất*”. Điều này gây khó khăn cho người dân và cả chính quyền khi trả và nhận tiền chi trả. Hơn nữa điều này cũng gây nên những bất lợi cho người dân khi họ mất sổ mà giờ vẫn chưa được giải quyết. Ngoài ra ở khi thảo luận nhóm nữ ở bản Búa, họ cũng đề cập rằng sổ xanh cũng bị mất “*Năm 2010 lấy bia xanh là người quỹ tín dụng đưa để nhận tiền và làm mất*”. Tại bản này, người dân vẫn tiếp tục bảo vệ rừng và vẫn nhận được tiền PFES nên không đề cập vấn đề này là khó khăn của họ.

**Hạn chế tiếp cận thông tin và hiểu biết về chính sách.** Tại bản Phách, tuy người dân được cấp bia đồ cho diện tích rừng họ quản lý nhưng trong thực tế họ cũng không biết diện tích thực của họ ngoài thực tế là ở đâu. Hơn nữa, người dân có rất nhiều thắc mắc vì sao số tiền PFES lại giảm qua các năm nhưng không biết hỏi ai vì tiền được chuyển qua bưu điện, nhiều người không tham gia các cuộc họp do bản hay chính

quyền tổ chức nên không biết thông tin gì về PFES hay các thông tin về các chương trình khác của nhà nước.

**Nhận được tiền PFES ít hơn do phải chia sẻ với các bên có liên quan khác trong giai đoạn COVID.** Nhiều phụ nữ tham gia họp nhóm tại Bản Lùn đã chia sẻ rằng mặc dù theo quy chế của bản, bản phải trích 30% tiền chi trả về cộng đồng để chuyển vào mô hình tạo quỹ tiết kiệm quay vòng cho phụ nữ. Tuy nhiên, do bối cảnh COVID, trường bản đã thuyết phục nhóm phụ nữ nhận ít hơn so với quy định để bản có kinh phí sửa chữa cơ sở hạ tầng và hỗ trợ các người dân bản khác trong giai đoạn COVID.

## Kết luận

Tóm lược chính sách này chỉ ra rằng COVID đã có ảnh hưởng lớn tới phụ nữ tại địa bàn nghiên cứu, đặc biệt là ảnh hưởng tới thu nhập, tiếp cận với tài nguyên đất đai và mạng lưới xã hội, sức khỏe tinh thần. Kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận PFES đã tạo ra tác động tích cực ở một số địa bàn nghiên cứu thông qua cơ chế chia sẻ lợi ích hỗ trợ nhóm phụ nữ tạo ra các quỹ tín dụng quy mô nhỏ cho vay quay vòng giữa các thành viên nữ trong nhóm và giúp phụ nữ chi trả các nhu cầu thiếu phẩm hàng ngày, giảm áp lực phải đi vay với lãi suất cao và chủ động tái đầu tư vào sản phẩm. Tuy nhiên, tác động và vai trò của PFES trong việc hỗ trợ phụ nữ đối mặt với COVID phụ thuộc vào mức chi trả của PFES và diện tích rừng họ đang có quyền quản lý. Với mức chi trả còn hạn chế và không ổn định cũng như khó khăn trong việc đảm bảo tiếp cận với tài nguyên, quyền sử dụng rừng và các thông tin chính sách là những thách thức chính để phụ nữ hưởng lợi từ PFES và từ đó có thêm nguồn lực để đối mặt với COVID. Để đảm bảo quyền tiếp cận và khả năng hưởng lợi từ PFES, cần đảm bảo phụ nữ được tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên và cơ chế chia sẻ lợi ích cần phải được xem xét tới nhu cầu nguyện vọng cũng như gỡ bỏ các rào cản và khó khăn cản trở phụ nữ tiếp cận và hưởng lợi từ PFES. Tác động của COVID và PFES lên cả đời sống của người dân, chất lượng và diện tích rừng không thể đánh giá hoặc nhìn nhận trong một khoảng thời gian ngắn mà cần phải được đánh giá trong một thời gian dài. Do vậy cần có nhiều nghiên cứu khoa học đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn của COVID và vai trò của PFES trong việc hỗ trợ người dân trong giai đoạn khó khăn này.

## Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới IFPRI và Quỹ CGIAR Gender COVID Hub đã tài trợ cho nghiên cứu này. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Sơn La và trường Đại Học Lâm Nghiệp Việt Nam đã hỗ trợ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

## Tài liệu tham khảo

[FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2021. Question and Answer: The impacts of COVID-19 on the forest sector - how to respond?. Accessed 15 October 2021. <https://www.fao.org/2019-ncov/q-and-a/impacts-on-the-forest-sector/en/>

Phạm TT, Bùi Thị MN, Đào Thi LC, Hoàng TL, Phạm HL và Nguyễn VD. 2018. Vai trò của chi trả dịch vụ môi trường rừng trong hỗ trợ tài chính cho ngành lâm nghiệp Việt Nam. Infobrief 228. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Phạm TT, Đào TLC, Nguyễn TL, Hoàng TL, Nguyễn ĐT và Phạm HL. 2020. Tác động kinh tế và xã hội của chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên. Báo cáo chuyên đề 215. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Quốc Hội Việt Nam. 2017. Luật Lâm Nghiệp: Điều 61. Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-lam-nghiep-367277.aspx>

RECOFTC. 2020. New research shows community forests help people cope with COVID-19. Accessed 15 October 2021. <https://www.recoftc.org/news/new-research-shows-community-forests-help-people-cope-covid-19>

Triệu VH, Phạm TT và Đào TLC. 2020. Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006–2020 và đề xuất nội dung Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Báo cáo chuyên đề 209. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La. 2015. Quyết định 1853/QĐ-UBND. Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyết-dinh-1853-QĐ-UBND-co-che-quan-ly-su-dung-tien-chi-tra-dich-vu-moi-truong-rung-Son-La-289670.aspx>



GENDER  
Platform

Báo cáo này được thực hiện dựa trên nền tảng CGIAR GENDER, được hỗ trợ bởi Quỹ đối tác CGIAR. [www.cgiar.org/funders](http://www.cgiar.org/funders)



RESEARCH  
PROGRAM ON  
Forests, Trees and  
Agroforestry

Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA) là chương trình phát triển nghiên cứu lớn nhất thế giới nhằm nâng cao vai trò của rừng, cây gỗ và nông lâm kết hợp với mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo lương thực để ứng phó với biến đổi khí hậu. CIFOR chủ trì các nghiên cứu FTA trong mối quan hệ đối tác chiến lược với Bioversity International, CATIE, CIRAD, INBAR, ICRAF và TBI.

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Quỹ đối tác CGIAR: [cigar.org/funders/](http://cigar.org/funders/)



[cifor-icraf.org](http://cifor-icraf.org)

[cifor.org](http://cifor.org) | [worldagroforestry.org](http://worldagroforestry.org)

### CIFOR-ICRAF

The Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry (ICRAF) envision a more equitable world where trees in all landscapes, from drylands to the humid tropics, enhance the environment and well-being for all. CIFOR and ICRAF are CGIAR Research Centers.

